

**THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
NĂM HỌC: 2020-2021**

STT	Lớp	Tổng số HS	Học Lực														Hạnh Kiểm													
			Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Không đánh giá (*)		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Không đánh giá (*)			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường		452	120	26,55	234	51,77	95	21,02	3	0,66	0	0	449	99,34	0	0	381	84,29	63	13,94	8	1,77	0	0	452	100	0	0		
1	Khối 6	116	38	32,76	60	51,72	15	12,93	3	2,59	0	0	113	97,41	0	0	98	84,48	15	12,93	3	2,59	0	0	116	100	0	0		
1.1	6A	38	15	39,47	19	50	4	10,53	0	0	0	0	38	100	0	0	33	86,84	3	7,89	2	5,26	0	0	38	100	0	0		
1.2	6B	40	17	42,5	18	45	4	10	1	2,5	0	0	39	97,5	0	0	33	82,5	6	15	1	2,5	0	0	40	100	0	0		
1.3	6C	38	6	15,79	23	60,53	7	18,42	2	5,26	0	0	36	94,74	0	0	32	84,21	6	15,79	0	0	0	0	38	100	0	0		
2	Khối 7	112	34	30,36	48	42,86	30	26,79	0	0	0	0	112	100	0	0	80	71,43	27	24,11	5	4,46	0	0	112	100	0	0		
2.1	7A	39	17	43,59	14	35,9	8	20,51	0	0	0	0	39	100	0	0	31	79,49	7	17,95	1	2,56	0	0	39	100	0	0		
2.2	7B	38	10	26,32	16	42,11	12	31,58	0	0	0	0	38	100	0	0	26	68,42	11	28,95	1	2,63	0	0	38	100	0	0		
2.3	7C	35	7	20	18	51,43	10	28,57	0	0	0	0	35	100	0	0	23	65,71	9	25,71	3	8,57	0	0	35	100	0	0		
3	Khối 8	125	28	22,4	75	60	22	17,6	0	0	0	0	125	100	0	0	110	88	15	12	0	0	0	0	125	100	0	0		
3.1	8A	43	6	13,95	32	74,42	5	11,63	0	0	0	0	43	100	0	0	37	86,05	6	13,95	0	0	0	0	43	100	0	0		
3.2	8B	41	6	14,63	26	63,41	9	21,95	0	0	0	0	41	100	0	0	34	82,93	7	17,07	0	0	0	0	41	100	0	0		
3.3	8C	41	16	39,02	17	41,46	8	19,51	0	0	0	0	41	100	0	0	39	95,12	2	4,88	0	0	0	0	41	100	0	0		
4	Khối 9	99	20	20,2	51	51,52	28	28,28	0	0	0	0	99	100	0	0	93	93,94	6	6,06	0	0	0	0	99	100	0	0		

(*): Bao gồm các học sinh được miễn giảm hoặc chưa đánh giá

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu

**THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM HỌC SINH NỮ
NĂM HỌC: 2020-2021**

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS	Học Lực														Hạnh Kiểm											
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Không đánh giá (*)		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Không đánh giá (*)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			206	79	38,35	98	47,57	28	13,59	1	0,49	0	0	205	99,51	0	0	191	92,72	14	6,8	1	0,49	0	0	206	100	0	0
1	Khối 6		48	23	47,92	22	45,83	2	4,17	1	2,08	0	0	47	97,92	0	0	45	93,75	3	6,25	0	0	0	0	48	100	0	0
1.1	6A	Doãn Thị Thu Trang	16	11	68,75	5	31,25	0	0	0	0	0	0	16	100	0	0	16	100	0	0	0	0	0	0	16	100	0	0
1.2	6B	Hà Thu Dung	16	8	50	7	43,75	1	6,25	0	0	0	0	16	100	0	0	15	93,75	1	6,25	0	0	0	0	16	100	0	0
1.3	6C	Đặng Thị Thanh	16	4	25	10	62,5	1	6,25	1	6,25	0	0	15	93,75	0	0	14	87,5	2	12,5	0	0	0	0	16	100	0	0
2	Khối 7		56	25	44,64	25	44,64	6	10,71	0	0	0	0	56	100	0	0	50	89,29	5	8,93	1	1,79	0	0	56	100	0	0
2.1	7A	Vũ Thị Minh Trang	22	11	50	7	31,82	4	18,18	0	0	0	0	22	100	0	0	18	81,82	3	13,64	1	4,55	0	0	22	100	0	0
2.2	7B	Nguyễn Thị Thúy	18	8	44,44	9	50	1	5,56	0	0	0	0	18	100	0	0	17	94,44	1	5,56	0	0	0	0	18	100	0	0
2.3	7C	Hoàng Thị Mơ	16	6	37,5	9	56,25	1	6,25	0	0	0	0	16	100	0	0	15	93,75	1	6,25	0	0	0	0	16	100	0	0
3	Khối 8		52	15	28,85	31	59,62	6	11,54	0	0	0	0	52	100	0	0	48	92,31	4	7,69	0	0	0	0	52	100	0	0
3.1	8A	Nguyễn Thu Trang	21	3	14,29	15	71,43	3	14,29	0	0	0	0	21	100	0	0	18	85,71	3	14,29	0	0	0	0	21	100	0	0
3.2	8B	Lương Thị Thanh Xuân	14	2	14,29	10	71,43	2	14,29	0	0	0	0	14	100	0	0	13	92,86	1	7,14	0	0	0	0	14	100	0	0
3.3	8C	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17	10	58,82	6	35,29	1	5,88	0	0	0	0	17	100	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	17	100	0	0
4	Khối 9		50	16	32	20	40	14	28	0	0	0	0	50	100	0	0	48	96	2	4	0	0	0	0	50	100	0	0
4.1	9A	Ngô Thị Minh Hà	24	4	16,67	11	45,83	9	37,5	0	0	0	0	24	100	0	0	23	95,83	1	4,17	0	0	0	0	24	100	0	0
4.2	9B	Phạm Thị Ánh Tuyết	26	12	46,15	9	34,62	5	19,23	0	0	0	0	26	100	0	0	25	96,15	1	3,85	0	0	0	0	26	100	0	0

(*): Bao gồm các học sinh được miễn giảm hoặc chưa đánh giá

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu

**THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM HỌC SINH DÂN TỘC
NĂM HỌC: 2020-2021**

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Không đánh giá (*)		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Không đánh giá (*)			
Toàn trường			9	1	11,11	7	77,78	1	11,11	0	0	0	0	9	100	0	0	8	88,89	1	11,11	0	0	0	0	9	100	0	0		
1	Khối 6		4	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	4	100	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	4	100	0	0		
1.1	6A	Doãn Thị Thu Trang	1	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0		
1.2	6B	Hà Thu Dung	3	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	3	100	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	3	100	0	0		
1.3	6C	Đặng Thị Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Khối 7		1	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0		
2.1	7A	Vũ Thị Minh Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2.2	7B	Nguyễn Thị Thúy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2.3	7C	Hoàng Thị Mơ	1	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0		
3	Khối 8		3	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	3	100	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	3	100	0	0		
3.1	8A	Nguyễn Thu Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3.2	8B	Lương Thị Thanh Xuân	2	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	2	100	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	2	100	0	0		
3.3	8C	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0		
4	Khối 9		1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0		
4.1	9A	Ngô Thị Minh Hà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4.2	9B	Phạm Thị Ánh Tuyết	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0		

(*): Bao gồm các học sinh được miễn giảm hoặc chưa đánh giá

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu

**THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
NĂM HỌC: 2020-2021**

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS	Học Lực														Hạnh Kiểm											
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Không đánh giá (*)		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Không đánh giá (*)	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			4	1	25	2	50	1	25	0	0	0	0	4	100	0	0	3	75	1	25	0	0	0	0	4	100	0	0
1	Khối 6		1	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
1.1	6A	Doãn Thị Thu Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0
1.2	6B	Hà Thu Dung	1	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
1.3	6C	Đặng Thị Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khối 7		1	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0
2.1	7A	Vũ Thị Minh Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	Nguyễn Thị Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.3	7C	Hoàng Thị Mơ	1	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0
3	Khối 8		1	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
3.1	8A	Nguyễn Thu Trang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	Lương Thị Thanh Xuân	1	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
3.3	8C	Nguyễn Thị Tuyết Mai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Khối 9		1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
4.1	9A	Ngô Thị Minh Hà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.2	9B	Phạm Thị Ánh Tuyết	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	1	100	0	0	

(*): Bao gồm các học sinh được miễn giảm hoặc chưa đánh giá

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thủy Liễu